TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55*/2024/HN - ST*
Ngày: *15 - 4 - 2024*
V/v tranh chấp *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

2. Bà Huỳnh Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST - HN ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu G, sinh năm 1984 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Hữu D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp LT, xã LP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Lê Thị Thu G trình bày:

Năm 2001, chị G và anh Võ Hữu D sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 26/12/2002. Sau khi kết hôn chị G và anh D sống chung với gia đình anh D, trong thời gian vợ chồng sống chung thì anh D hay ghen tuôn, nhưng chị cố gắng chịu đựng vì con còn nhỏ; đến tháng 11/2023 thì anh D nghi ngờ chị có người khác, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị nhiều lần, do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên chị G bỏ nhà ra ngoài sống. Từ tháng 11/2023 đến nay chị và anh D không có liên lạc gì với nhau, mạnh người nào người đó sống không ai quan tâm gì đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn tình nghĩa, không thể hàn gắn

được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Hữu D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2002, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị G không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Võ Hữu D không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã LP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Hữu D đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào trích lục kết hôn số 08/TLKH-BS ngày 11/01/2024, do Ủy ban nhân dân xã LP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long trích lục từ sổ đăng ký kết hôn số 206 ngày 26/12/2002 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thu G và anh Võ Hữu D là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh D đã có nhiều bất hòa, vợ chồng sống chung nhưng không có sự tin tưởng lẫn nhau, không có sự tôn trọng lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh D đã được triệu tập tham gia các phiên hòa giải nhưng không tham gia cũng không có văn bản nêu ý kiến về các yêu cầu của chị G, nên không có khả năng hàn gắn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị G là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh Võ Hữu D.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Ngọc C, sinh ngày 26/10/2002, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[6] Nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị G phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Thu G được ly hôn với anh Võ Hữu D.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị G không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thu G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000713 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Hữu D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú